



hái zi qì
孩子气

adjective · childish, childlike

Example Sentences

Tā yǒu diǎn hái zi qì
他有点孩子气。

He is a bit childish.

Tā de hái zi qì jǔ dòng ràng dà jiā xiào le
她的孩子气举动让大家笑了。

Her childish behavior made everyone laugh.

Trace each character, then write the word on your own.

孩	孩	孩	孩	孩	孩	孩	孩	孩	孩	孩
孩										
子	子	子	子	子	子					
气	气	气	气	气	气	气				